

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/KDTM-PT
Ngày 28 - 6 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Lực

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Đắc Dương

Ông Đặng Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Cẩm Nang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải với sự hỗ trợ của ông Nguyễn Vĩnh L, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 01/2023/TLPT-DS, ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST, ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 67/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ số B L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Tiết Văn T, chức vụ: Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lâm Hoàng T1, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã D; địa chỉ khóm A, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 27/12/2019, có mặt).

- Bị đơn:

1. Anh **Lâm Trung C**, sinh năm 1976; địa chỉ **khóm P, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh** (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1977; địa chỉ **khóm P, phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh** (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Lâm Thị L1** sinh năm 1956, địa chỉ **khóm A, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh** (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chị **Lâm Thị Ngọc T2**, sinh năm 1980; địa chỉ **khóm A, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh** (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Anh **Lâm Quốc C1**, sinh năm 1977; địa chỉ **ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh**.

*Người đại diện hợp pháp của anh **Lâm Quốc C1**:* Chị **Nguyễn Thị Ngọc M**, sinh năm 1986; địa chỉ **khóm H, Phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh**, được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 17/6/2022 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Anh **Lâm Quốc C1** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 25/7/2019, **Ngân hàng N chi nhánh thị xã D** (sau đây viết là Ngân hàng) và anh **Lâm Trung C**, chị **Nguyễn Thị D** ký kết hợp đồng tín dụng số 7410-LAV-201903262 về việc nâng hạn mức vay vốn lên 30 tỷ đồng và chuyển dư nợ từ hợp đồng tín dụng số 7410-LAV-201901810 sang 19 tỷ ba trăm triệu đồng. Tính đến ngày 21/11/2021, anh **C** và chị **D** nợ Ngân hàng tổng số tiền 23.229.304.593 đồng (trong đó tiền gốc 20.300.000.000 đồng, tiền lãi 2.929.304.593 đồng). Do anh **C** và chị **D** đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh **C** và chị **D** phải trả toàn bộ số nợ trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 21/11/2021 đến khi thanh toán hết số nợ gốc cho Ngân hàng. Trường hợp anh **C** và chị **D** không trả được nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản để thu hồi nợ theo 11 hợp đồng thế chấp đã ký cụ thể như sau:

1. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01(A)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 17/7/2019.

2. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01(D)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 18/11/2019.

3. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 80(H)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 04/4/2017.

4. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 80 (G)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 04/4/2017.

5. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 80 (C)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 04/4/2017.

6. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 80 (A)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 04/4/2017.

7. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 80 (U)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 17/12/2018.

8. Hợp đồng thế chấp tài sản số 80 (D)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 04/4/2017.

9. Hợp đồng thế chấp tài sản số 82/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 11/6/2018.

10. Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 80 (E)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 04/4/2017.

11. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 80 (I)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 07/12/2018.

* Bị đơn anh **Lâm Trung C** trình bày: Anh thừa nhận cùng vợ là chị **Nguyễn Thị D** có vay của Ngân hàng tiền gốc 20.300.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 20/11/2021 là 2.929.304.593 đồng, tổng cộng 23.229.304.593 đồng, anh đồng ý thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên anh chỉ thừa nhận dư nợ được giải ngân tính từ ngày 23/7/2020, không thừa nhận dư nợ trước ngày 23/7/2020 vì trước đó anh đã tắt toán đầy đủ cho Ngân hàng nên không còn dư nợ cũ.

* Bị đơn chị **Nguyễn Thị D** trình bày: Chị thừa nhận cùng chồng là anh **Lâm Trung C** có vay của Ngân hàng tiền gốc 20.300.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 20/11/2021 là 2.929.304.593 đồng, tổng cộng 23.229.304.593 đồng. Nay thống nhất cùng anh **C** trả nợ cho Ngân hàng, nếu không thanh toán được nợ chị đồng ý xử lý những tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng.

* Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 16/6/2022, anh **Lâm Quốc C1** trình bày:

Vào năm 2017, cha anh là ông **Lâm Văn H** và mẹ là bà **Lâm Thị L1** có dùng tài sản là quyền sử dụng đất thửa 922, diện tích 358,8m², tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc **khóm P, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh** để bảo lãnh khoản vay cho anh **Lâm Trung C**, cha mẹ anh có ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp số 80 (G) ngày 04/04/2017. Ngày 06/7/2019 ông **H** chết, anh **Lâm Trung C** đại diện gia đình trả nợ Ngân hàng, nhưng Ngân hàng không giao lại tài sản thế chấp cho gia đình. Ngày 25/7/2019, anh **C** ký Hợp đồng tín dụng số 7410-LAV- 201903362 tiếp tục dùng tài sản là thửa đất 922 để đảm bảo khoản vay. Việc anh **C** tự ý lấy tài sản tiếp tục đảm bảo khoản vay của mình là ảnh hưởng đến quyền các đồng thừa kế, vì khi cha anh chết nợ Ngân hàng đã giải quyết xong thì tài sản đó trở thành di sản thừa kế. Nay Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với Hợp đồng thế chấp số

80 (G) ngày 04/04/2017 anh không đồng ý, anh yêu cầu hủy hợp đồng này vì anh là hàng thừa kế thứ nhất của ông H, anh chưa ký vào hồ sơ đồng ý dùng tài sản bảo lãnh khoản vay cho anh C.

* Chị Lâm Thị Ngọc T2 trình bày: Thống nhất với yêu cầu của anh Lâm Quốc C1, không đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp của gia đình.

* Bà Lâm Thị L1 vắng mặt nên không có lời khai.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST, ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải đã xử:

1. Buộc anh Lâm Trung C và chị Nguyễn Thị D phải thanh toán cho Ngân hàng các khoản tiền gồm:

- Tiền gốc: 20.300.000.000 đồng;

- Tiền lãi tính đến ngày 20/11/2021: 2.929.304.593 đồng.

Tổng cộng: 23.229.304.593 đồng

Anh C và chị D còn có trách nhiệm trả cho Ngân hàng khoản lãi phát sinh từ ngày 21/11/2021 đến khi thanh toán hết số nợ theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7410-LAV- 201903262 ngày 25/7/2019.

2. Nếu anh C và chị D không thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản theo 11 hợp đồng thế chấp đã ký.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Lâm Quốc C1 về việc hủy Hợp đồng thế chấp số 80 (G), ngày 04/04/2017 đối với phần đất có diện tích 358,8m², thửa 922, tờ bản đồ số 7, tọa lạc khóm P, phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất khi được phát mãi, án phí, chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án, quyền thỏa thuận tự nguyện thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/10/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Quốc C1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Hợp đồng thế chấp số 80 (G), ngày 04/04/2017, trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 922, diện tích 358,8m², tờ bản đồ số 7, tọa lạc khóm P, phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc M là người đại diện hợp pháp của anh Lâm Quốc C1 có văn bản trình bày ý kiến như sau: Ngày 04/4/2017 cha anh Lâm Quốc C1 là ông

Lâm Văn H và mẹ là bà Lâm Thị L1 ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp số 80 (G)/P1/HĐTC-QSĐĐ dùng tài sản là thửa đất 922, diện tích 358,8m² đất tọa lạc tại Phường A, thị xã D để đảm bảo khoản tiền vay cho anh Lâm Trung C, giá trị tài sản thế chấp được xác định 4.665.400.000 đồng. Ngày 04/4/2019 Ngân hàng và anh Lâm Trung C ký hợp đồng tín dụng hạn mức 20.000.000.000 đồng, hợp đồng này đã được tất toán. Ngày 06/7/2019 ông Lâm Văn H chết. Ngày 25/7/2019 anh C và Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng số 7410-LAV- 201903262 tiếp tục dùng tài sản của ông Lâm Văn H thửa đất 922, diện tích 358,8m² để đảm bảo khoản tiền vay này là không đúng, bởi vì anh C1 là hàng thừa kế của ông H không có ký vào hồ sơ bảo lãnh cho anh Lâm Trung C. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh C1 hủy Hợp đồng thế chấp số 80 (G)/P1/HĐTC-QSĐĐ, buộc Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 922, diện tích 358,8m² cho các đồng thừa kế của ông H.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Ngày 04/4/2017 Ngân hàng và anh Lâm Văn C2, chị Nguyễn Thị D ký Hợp đồng tín dụng số 7410-LAVA-2017006662 vay 10.000.000.000 đồng bằng hình thức cấp tín dụng. Để đảm bảo khoản vay này, ngày 04/4/2017 Ngân hàng và ông Lâm Văn H, bà Lâm Thị L1 ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 80 (G)/P1/HĐTC-QSĐĐ thế chấp thửa đất 922, diện tích 358,8m².

Ngày 04/4/2019 Ngân hàng và anh Lâm Văn C2, chị Nguyễn Thị D ký hợp đồng tín dụng số 7410-LAV-201901810 cấp tín dụng 20.000.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay này ông Lâm Văn H và bà Lâm Thị L1 thế chấp thửa đất 922, diện tích 358,8m² (bằng phụ lục 01/2018) tăng mức định giá tài sản từ 2.750.160.000 đồng lên 4.664.400.000 đồng, phạm vi đảm bảo 3.498.000.000 đồng (bút lục 34, 35).

Ngày 25/7/2019 Ngân hàng và ông Lâm Văn C2, bà Nguyễn Thị D ký hợp đồng tín dụng số 7410LAV201903362 nâng hạn mức cấp cho vay lên 30.000.000.000 đồng, dư nợ từ hợp đồng tín dụng số 7410-LAV-201901810 được chuyển sang theo dõi 19.300.000.000 đồng (bút lục 16 -18). Như vậy, Hợp đồng tín dụng số 7410LAV201903362 được chuyển nợ 19.300.000.000 đồng của hợp đồng tín dụng số 7410-LAV-201901810, nên anh C1 cho rằng khoản nợ vay 20.000.000.000 đồng anh Lâm Văn C2 đã tất toán cho Ngân hàng trước khi vay 30.000.000.000 đồng là không đúng, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Lâm Quốc C1. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng N chi nhánh thị xã D thỏa thuận với anh Lâm Trung C cùng chị Nguyễn Thị D - là cá nhân có đăng ký kinh doanh vay tiền mua bán thức ăn và thuốc thủy sản. Nay các bên tranh chấp nghĩa vụ thanh toán của bên vay, Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải thụ lý vụ án kinh doanh thương mại, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là đúng bản chất của vụ án. Tuy nhiên trong vụ án này đương sự có tranh chấp Hợp đồng thế chấp số 80 (G) được xác lập ngày 04/04/2017 nên phải xác định thêm quan hệ pháp luật có tranh chấp này mới đảm bảo đầy đủ, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu nhưng thụ lý, đưa người tham gia tố tụng đầy đủ, nên không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Tòa án cấp phúc thẩm xác định bổ sung, Tòa án cấp sơ thẩm cần thận trọng để tránh sai sót tương tự. Đơn kháng cáo của anh Lâm Quốc C1 còn trong hạn luật định là hợp lệ nên được chấp nhận để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc anh Lâm Trung C và chị Nguyễn Thị D phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tổng cộng bằng 23.229.304.593 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký; trường hợp anh C và chị D không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản theo 10 hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể là: (1) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01(A)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 17/7/2019, (2) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01(D)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 18/11/2019, (3) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 80(H)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 04/4/2017, (4) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 80 (C)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 04/4/2017, (5) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 80 (A)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 04/4/2017, (6) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 80 (U)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 17/12/2018, (7) Hợp đồng thế chấp tài sản số 80 (D)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 04/4/2017, (8) Hợp đồng thế chấp tài sản số 82/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 11/6/2018, (9) Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 80 (E)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 04/4/2017, (10) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 80 (I)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 07/12/2018. Các quyết định này của án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo của anh Lâm Quốc C1 nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[3] Xét kháng cáo của anh Lâm Quốc C1 yêu cầu hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 80 (G)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 04/4/2017, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Anh Lâm Trung C là con ruột của ông Lâm Văn H (chết ngày 06/7/2019) và bà Lâm Thị L1. Do anh C có kinh doanh mua bán thức ăn và thuốc thủy sản tại

Phường A, thị xã D, nên anh C đã dùng nhiều tài sản (trong đó có tài sản của gia đình anh C và tài sản của người khác) để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng, cụ thể: Ngày 04/4/2017 vay 10.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 7410-LAVA-2017006662, ngày 04/4/2019 vay 20.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 7410-LAV-201901810.

[5] Theo Hợp đồng tín dụng số 7410LAV201903362 (bút lục 16 đến 20) được ký kết giữa Ngân hàng và anh Lâm Trung C ngày 25/7/2019 thể hiện: Tại Điều 1 của Hợp đồng có ghi “*Hạn mức cho vay 30.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng). Dư nợ tại ngày 24/01/2019, 28/02/2019, 18/03/2019, 06/05/2019, 07/05/2019, 13/06/2019, 27/07/2019 của Hợp đồng tín dụng số 7410-LAV-201901810 ngày 04/4/2019 được chuyển sang theo dõi tại Hợp đồng này*”. Theo các Giấy nhận nợ anh C ký nhận tại Ngân hàng (bút lục 422, 424, 426, 410) thể hiện tổng dư nợ sau các lần nhận tiền là 19.300.000.000 đồng. Như vậy, anh Lâm Quốc C1 và người đại diện hợp pháp của anh C1 cho rằng anh Lâm Trung C trước khi vay của Ngân hàng số tiền 30.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 7410LAV201903362 ngày 25/7/2019 thì anh C đã tắt toán cho Ngân hàng nên không còn nợ là không đúng.

[6] Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 80 (G)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 04/4/2017 (bút lục 50 đến 504), Phụ kiện số 01 thuộc hợp đồng thế chấp QSĐĐ số 80 (G)/P1/HĐTC-QSĐĐ (bút lục 505 đến 511), thể hiện ông Lâm Văn H và bà Lâm Thị L1 dùng tài sản của mình là thửa đất 922, diện tích 358,8m², tọa lạc tại Phường A, thị xã D thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho anh Lâm Trung C. Tại Khoản 2.2, Điều 1 của Phụ kiện số 01 thuộc hợp đồng thế chấp QSĐĐ số 80 (G)/P1/HĐTC-QSĐĐ có ghi: Nghĩa vụ được đảm bảo tại các Hợp đồng cấp tín dụng (*Hợp đồng vay vốn, hợp đồng bảo lãnh*) được ký giữa Bên A (Ngân hàng) và Bên vay (*bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan*) trong đó số tiền gốc là 20.000.000.000đ, phạm vi được đảm bảo 3.498.000.000 đồng. Như vậy, ông Lâm Văn H trước khi chết đã cùng bà Lâm Thị L1 dùng tài sản của mình là quyền sử dụng thửa đất 922, diện tích 358,8m², tọa lạc tại Phường A, thị xã D thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo khoản vay của anh Lâm Trung C còn nợ Ngân hàng số tiền 19.300.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 7410-LAVA-2017006662 như đã nhận định ở nội dung [5]. Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và ông Lâm Văn H, bà Lâm Thị L1 được giao kết đúng pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của anh Lâm Quốc C1 về việc hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 80 (G)/P1/HĐTC-QSĐĐ là đúng bản chất vụ án.

[7] Từ những nhận định trên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh Lâm Quốc C1, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ,

phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do kháng cáo không được chấp nhận, anh **Lâm Quốc C1** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 317, 318, 319, 320, 463 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh **Lâm Quốc C1**, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST, ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải.

Tuyên xử:

1. Buộc anh **Lâm Trung C** và chị **Nguyễn Thị D** phải thanh toán cho Ngân hàng các khoản tiền gồm:

- Tiền gốc 20.300.000.000 đồng;
- Tiền lãi tính đến ngày 20/11/2021 là 2.929.304.593 đồng.

Tổng cộng: 23.229.304.593 đồng

Anh **C** và chị **D** còn có trách nhiệm trả cho Ngân hàng khoản lãi phát sinh từ ngày 21/11/2021 đến khi thanh toán hết số nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7410-LAV- 201903262 ngày 25/7/2019.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập anh ông **Lâm Quốc C1** về việc hủy Hợp đồng thế chấp số 80 (G), ngày 04/04/2017 đối với phần đất có diện tích 358,8m², thửa 922, tờ bản đồ số 7, tọa lạc **khóm P, phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh**.

3. Trường hợp anh **Lâm Trung C** và chị **Nguyễn Thị D** không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản theo 11 hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể là:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01(A)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 17/7/2019.
- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01(D)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 18/11/2019.
- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 80(H)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 04/4/2017.
- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 80

(G)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 04/4/2017.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 80 (C)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 04/4/2017.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 80 (A)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 04/4/2017.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 80 (U)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 17/12/2018.

- Hợp đồng thế chấp tài sản **số H** (D)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 04/4/2017.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 82/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 11/6/2018.

- Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 80 (E)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 04/4/2017.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 80 (I)/P1/HĐTC-QSĐĐ ngày 07/12/2018.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định: Anh **Lâm Trung C** và chị **Nguyễn Thị D** phải chịu 2.100.000 đồng. Cơ quan Thi hành án dân sự thu số tiền này của anh **Lâm Trung C** và chị **Nguyễn Thị D** để hoàn trả cho Ngân hàng do đã tạm ứng trước.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh **Lâm Trung C** và chị **Nguyễn Thị D** phải chịu 131.229.304 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ngân hàng không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 65.614.652 đồng theo biên lai thu tiền số 0008187 ngày 04-03-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải.

+ Anh **Lâm Quốc C1** chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008342 ngày 21/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Anh **C1** đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh **Lâm Quốc C1** chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009882 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Anh **C1** đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thị xã Duyên Hải;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS thị xã Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Lực